

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2135 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày
22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2595/STNMT-MT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài
nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện
Ba Bể;*

*Xét Văn bản số 472/CV-BQL ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý dự
án đầu tư xây dựng huyện Ba Bể về việc giải trình một số nội dung theo hội đồng
thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật trung
tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số
559/TTr-STNMT ngày 27 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Bể (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bộc Bó, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ba Bể, Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Rã, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Bể và Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ TNMT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh (ô. Thắt);

Gửi bản giấy:

- Sở TN&MT;
- Trung tâm Phục vụ HCC (trả chủ dự án);
- Lưu: VT, Huy

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Quang Tuyên

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRUNG TÂM THỊ TRẤN CHỢ RÃ, HUYỆN BA BÈ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn
- Chủ dự án đầu tư: UBND huyện Ba Bè
- Đại diện chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Bè

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè được xây dựng trên địa bàn thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn. Diện tích thu hồi đất (sau thống kê) là 142.798,5m² và diện tích đất thu hồi để lấy đất đắp là 16.000m².

+ Diện tích đất thu hồi Dự án là: 142.798,5m², bao gồm: Đất ODT 1.324,3m², đất LUC 60.981,0m²; đất BHK 65.463,8m²; đất CLN 4.084,8m²; đất DBV 419,7m², đất NTS 328,7m², đất DGT 709,7m²; đất DTL 1.843,9m²; đất SON 6.397,0m², đất BCS 1.245,6m²; Khu đất có nguồn gốc là đất của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức đang sử dụng, đất UBND thị trấn Chợ Rã quản lý.

+ Diện tích đất thu hồi để lấy đất đắp 16.000m² tại Tiểu khu 3, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè, nguồn gốc là đất của Lâm trường Ba Bè thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn và đất của UBND thị trấn Chợ Rã quản lý; Vị trí khu vực tại Km339+100, QL.279, bên trái tuyến; Khối lượng đất đắp khoảng 930.000m³.

- Quy mô:

+ San nền, tạo mặt bằng theo coste quy hoạch chi tiết trong diện tích 142.798,5m² và các hạng mục phụ trợ khác.

+ Xây dựng tuyến đường giao thông nội thị theo quy hoạch chi tiết gồm 7 tuyến đường nội thị với tổng chiều dài 3.055,75m, kết cầu mặt đường bê tông nhựa.

+ Xây dựng 02 cầu BTCT dự ứng lực trên tuyến N12-N15 và N21-N24 theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017 có bề rộng cầu B = 25,0m, tải trọng thiết kế HL 93, tần suất lũ thiết kế P = 2%.

+ Xây dựng phân hạ tầng kỹ thuật gồm (cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng,...) đồng bộ và hạng mục phụ trợ khác trên tuyến.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Hạng mục đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng hệ thống đường giao thông nội thị theo quy hoạch chi tiết được duyệt (thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD): gồm 07 tuyến đường nội thị, với tổng chiều dài 3.055,75m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Cụ thể:

+ Tuyến N12-N15, chiều dài khoảng 321,77m; chiều rộng nền đường 24,5m (lòng đường 2x7,0m; vỉa hè 2x5,25m);

+ Tuyến N21-N24 có chiều dài khoảng 304,37m; chiều rộng nền đường 24,5m (lòng đường 2x7,0m; vỉa hè 2x5,25m);

+ Tuyến N02-N10 có chiều dài khoảng 103,59m; chiều rộng nền đường 24,5m (lòng đường 2x7,0m; vỉa hè 2x5,25m);

+ Tuyến N14-N22 có chiều dài khoảng 686,65m; chiều rộng nền đường 22,5m (lòng đường 10,5m; vỉa hè 2x6m);

+ Tuyến N07-N21 có chiều dài khoảng 1.192,03m; chiều rộng nền đường 16,5m (lòng đường 7,5m; vỉa hè 1x3,0m + 1x6,0 m);

+ Tuyến N05-N12 có chiều dài khoảng 396,65m; chiều rộng nền đường 16,5m (lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x4,5m);

+ Tuyến N18-N19 có chiều dài khoảng 50,69m; chiều rộng nền đường 16,5m (lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x4,5m);

- Hệ thống thoát nước dọc và ngang tuyến:

+ Cải tạo, nắn chỉnh suối Tà Nghè có đáy rộng 10,0m, khẩu độ hai bên bờ suối rộng 28,0m. Bờ suối phần thường xuyên ngập nước được thiết kế phân cứng, phần không thường xuyên ngập nước gia cố trồng cỏ để tạo cảnh quan.

+ Hệ thống thoát nước mặt nằm dọc 2 bên các trục đường giao thông được thu gom bằng các hố ga chảy vào hệ thống mương xây đập nắp đan.

- Hệ thống thoát nước thải: Hệ thống cống thu gom nước thải bằng cống BTCT đặt dọc các trục đường giao thông, đảm bảo tự chảy, kích thước cống D300, D500. Trên tuyến đặt các hố ga thu gom xây gạch hoặc đổ BTCT đảm bảo khoảng cách theo quy định.

- Hệ thống cấp nước :

+ Đường ống phân phối dùng ống PVC DN 300, DN 150, DN100. Đường ống dịch vụ dùng ống HDPE D90-63. Đường ống cấp nước được bố trí trên vỉa hè.

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa: Bố trí các họng cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước; khoảng cách, áp lực tại các trụ cứu hỏa theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

+ Xây dựng mới 03 trạm biến áp 1 x 560kVA và 2x 230kVA- 35(22)/0,4kV để cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng cho khu vực.

+ Lưới điện hạ áp: Dùng cáp đồng hoặc nhôm XPLE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV đi ngầm trong rãnh cáp kỹ thuật. Đoạn cáp qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ. Cấp điện sinh hoạt dùng tủ công tơ kết hợp ngoài trời.

+ Lưới điện chiếu sáng: Dùng cáp đồng hoặc nhôm XPLE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV đi ngầm trong rãnh cáp kỹ thuật.

- San nền: Cao độ san nền tuân thủ theo độ dốc của các tuyến đường nội thị theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

- Các hạng mục khác như nền đường, mặt đường, hè đường, bó vỉa, hố trồng cây trên tuyến, nút giao, hệ thống an toàn giao thông, hệ thống thông tin liên lạc.

1.3.2. Hạng mục cầu:

Xây dựng 02 cầu BTCT dự ứng lực trên tuyến N12-N15 và N21-N24 theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017 có: Bề rộng cầu $B = 25,0\text{m}$, tải trọng thiết kế HL93, tần suất thiết kế $P = 2\%$. Sơ đồ nhịp: $1 \times 21\text{m}$;

- Cầu trên tuyến N12-N15: Chiều dài toàn cầu $L_c = 28,127\text{m}$ (tính đến đuôi mô); Mặt cắt ngang cầu $B = 25,0\text{m}$, trong đó: Chiều rộng gờ lan can $0,5\text{m}$, chiều rộng phần xe chạy $14,0\text{m}$, lề đường đi bộ $10,5\text{m}$.

- Cầu trên tuyến N21-N24: Chiều dài toàn cầu $L_c = 28,120\text{m}$ (tính đến đuôi mô); Mặt cắt ngang cầu $B = 25,0\text{m}$, trong đó: Chiều rộng gờ lan can $0,5\text{m}$, chiều rộng phần xe chạy $14,0\text{m}$, lề đường đi bộ $10,5\text{m}$.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, với diện tích thu hồi là $60.981,0 \text{ m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng:

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất canh tác, san ủi, tạo mặt bằng: Đào đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển đất đắp, các quá trình gây ra các tác động đến môi trường như: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng tạo mặt bằng. Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình đầm nén, san gạt mặt bằng.

- Hoạt động cải tạo, nắn chỉnh suối Tà Nghè gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái thủy sinh và chất lượng nước chảy về phía hạ lưu.

- Hoạt động thi công xây dựng các công trình của hạng mục đường, cầu, các công trình phụ trợ, các bãi tập kết nguyên vật liệu phát sinh các loại chất thải xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và vận chuyển đất đào, đất đắp nền đường phát sinh các loại khí thải từ ô tô gây ảnh hưởng tới không khí trên tuyến đường vận chuyển, ảnh hưởng hoạt động giao thông của người dân, tuyến đường giao thông của khu vực.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải sinh hoạt có nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường xung quanh khu vực.

- Nước mưa chảy tràn qua các bãi tập kết nguyên vật liệu và khu vực thi công xây dựng chứa nhiều cặn lơ lửng tác động đến môi trường đất, môi trường nước mặt làm tăng độ đục trong nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt suối Tà Nghè, sông Năng và có nguy cơ ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất hiện có trong khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường: ô nhiễm do bụi, khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu.

- Hoạt động sửa chữa bảo dưỡng tuyến đường phát sinh bụi trong quá trình thi công sửa chữa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường được dùng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt, tắm rửa, vệ sinh ...

- Lưu lượng: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $4\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Loại nước thải này thường có nồng độ các chất ô nhiễm khá cao như: chất tẩy rửa, vi khuẩn, dầu mỡ, photpho, BOD₅, COD... Ngoài ra, trong nước thải sinh hoạt còn có vi sinh vật gây bệnh như virus, vi khuẩn, giun sán,...

* Nước thải xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình thi công xây dựng và vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Lưu lượng: Lượng nước thải xây dựng phát sinh khoảng $1-2\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Nước thải xây dựng có hàm lượng bùn, cát và hàm lượng TSS, dầu mỡ cao...

* Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa lớn nhất là $0,1533\text{ m}^3/\text{s}$. Khi mưa xuống rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn hòa tan (Bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực).

3.1.2. Giai đoạn vận hành

Giai đoạn dự án đi vào vận hành chủ yếu là nước mưa chảy tràn, khi trời mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo đất cát, chất cặn bã...trên mặt đất vào dòng nước làm ảnh hưởng trực tiếp tới dòng nước thải và hệ thống cống thoát nước, từ đó có thể tác động liên hoàn đến nguồn nước mặt, nước ngầm

và ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh khu vực dự án. Ngoài ra, có nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu chức năng, khu dân cư của thị trấn Chợ Rã.

3.2. Bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng, san ủi tạo mặt bằng, quá trình thi công các hạng mục công trình dự án, các phương tiện vận tải thực hiện vận chuyển đất đá thải, nguyên liệu xây dựng ra vào công trường, quá trình hàn, rải nhựa đường. Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO ,..

3.2.2. Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, với lưu lượng tùy thuộc vào lượng phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường. Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO ,..

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm thức ăn thừa, bao bì, túi nilon, giấy, vỏ hộp,...

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Với số lượng công nhân lao động trong giai đoạn thi công xây dựng là 70 người, ước tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 100 kg/ngày.

* Chất thải rắn thông thường (chất thải rắn trong hoạt động xây dựng):

- Nguồn phát sinh, khối lượng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật phát sinh khoảng 110 tấn.

+ Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt phát sinh khoảng 78.394 m³, tương đương khoảng 109.752 tấn

+ Chất thải gồm gạch, đất, đá thải, bê tông... từ hoạt động phá dỡ công trình xây dựng hiện có như nhà cửa, sân bê tông, tường rào của hộ gia đình, cá nhân để phục vụ thi công xây dựng, với khối lượng ước tính khoảng 578 m³.

+ Chất thải gồm sắt thép vụn, vỏ bao bì,... từ hoạt động thi công các hạng mục công trình xây dựng. Ước tính lượng chất thải rắn xây dựng thải bỏ chiếm 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình xây dựng dự án, khoảng 6.931kg, khối lượng chất thải từ hoạt động này phát sinh dự kiến khoảng 6 kg/ngày.

* Chất thải rắn nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng phương tiện giao thông, gồm có giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, dầu thải, các loại dầu mỡ thải... với tổng lượng phát sinh 300kg.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Khi tuyến đường đi vào hoạt động chủ yếu là các phương tiện lưu thông trên đường, do vậy, chất thải rắn phát sinh chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường như túi nilon, vỏ lon, cành cây, lá cây...

3.4. Tiếng ồn, độ rung

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công xây dựng các hạng mục công trình, ô tô vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.

3.5. Tác động khác

- Khi thi công dự án, các hoạt động như ngăn đường, hạn chế lưu thông sẽ phần nào ảnh hưởng đến hoạt động hàng ngày của người dân, nhất là các hộ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lân cận khu vực dự án.

- Tác động đến hạ tầng cơ sở: hoạt động của các xe tải sẽ có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án.

- Tác động đến hệ sinh thái trong khu vực: Trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án có hoạt động san lấp mặt bằng và xây dựng cơ bản sẽ gây ra một số tác động với hệ sinh thái như thay đổi mục đích sử dụng đất, ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên cạn và hệ sinh thái dưới nước.

- Xảy ra các sự cố môi trường: Sự cố sụt lún công trình tại các vùng đất yếu; tai nạn lao động, tai nạn giao thông và sự cố thiên tai.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

* *Giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án:*

- Nước thải sinh hoạt: Nhà thầu thực hiện thuê các nhà dân trong khu vực dự án để công nhân ở, do vậy không đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công dự án.

- Nước thải xây dựng: Bố trí các hố lắng tạm thời trong khu vực dự án để thu gom, lắng cặn trước khi chảy ra môi trường xung quanh.

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm để thu gom nước mưa tại các khu vực xây dựng, tránh gây ô nhiễm đất và môi trường nước tại Dự án, đồng thời thi công xây dựng mới công thoát nước ngang tuyến, dọc tuyến theo thiết kế được duyệt.

* *Giai đoạn vận hành dự án:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực dân cư (Dọc phía sau thửa đất phân lô) được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại ba ngăn sau đó được thu gom theo đường ống hoặc mương dẫn về trạm xử lý nước thải của thị trấn Chợ Rã đã được đầu tư (sau khi được cải tạo, nâng cấp) và khu vực dự kiến đầu tư xây dựng bổ sung hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Chợ Rã.

- Nước mưa chảy tràn trên mặt đường thoát vào các hố ga thu bằng BTCT bố trí với cự ly khoảng 30/hố, nước thu vào các hố ga rồi thoát vào hệ thống thoát nước dọc và được dẫn về các cửa xả dẫn ra suối Tà Nghè.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

* Giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án:

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly để không ảnh hưởng đến toàn khu vực.

- Đối với các vật liệu, nhiên liệu như xi măng, sắt thép, dầu nhớt... được bảo quản trong kho nhằm tránh tác động của mưa, nắng gây hư hỏng và giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như các chất ô nhiễm khác ra môi trường.

- Các phương tiện chở vật liệu xây dựng được phủ bạt khi vận chuyển, không chở vượt quá trọng tải quy định, gây hư hỏng, ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông, đồng thời tránh để rơi vãi đất cát, gạch, bụi xi măng ra đường, gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân sống dọc trên tuyến đường vận chuyển.

- Yêu cầu nhà thầu định kỳ phun ẩm các tuyến đường vận chuyển, qua các khu dân cư, nhất là vào mùa khô để hạn chế bụi, phương tiện ra vào công trình phải được vệ sinh.

* Giai đoạn vận hành:

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Các công trình và biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường chủ yếu phục vụ cho giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành dự án, lượng chất thải rắn phát sinh không đáng kể sẽ được đơn vị quản lý tuyến đường chịu trách nhiệm thực hiện, cụ thể:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Bố trí các thùng rác lớn có dung tích 100 lít đặt để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường (chất thải rắn trong hoạt động xây dựng) :

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Được tận dụng làm chất đốt hoặc chuyển giao cho đơn vị vận chuyển đến nơi xử lý tập trung của huyện Ba Bể.

+ Khối lượng đất bóc hữu cơ dư thừa phát sinh từ hoạt động xây dựng dự án là chủ yếu là đất hữu cơ bề mặt, thành phần chủ yếu là đất lẫn mùn hữu cơ. Đất chỗ trên mặt có lẫn dăm sạn, thích hợp để trồng các loại cây xanh, tận dụng đất bóc hữu cơ vào mục đích trồng cây.

+ Khối lượng đất đào dư phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng dự án được lại để tận dụng vào các mục đích đắp nền đường, hồ móng và san lấp mặt bằng. Một phần đất đá thải được đổ dọc tuyến đường, khối lượng còn lại được vận chuyển đến vị trí Km366, bên trái tuyến đường QL.279, thuộc thôn Lũng Diếc, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể. Tổng diện tích khu đất là 47.000m², dự kiến chứa được khoảng 470.000m³ đất đá thải (Thuộc khu vực đất bãi thải trong Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Ba Bể được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 16/7/2021).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu mỡ, pin, que hàn, vải lọc dầu thải được thu gom vào 03 thùng chứa 100 lít đặt trong kho lưu giữ tạm thời chất thải của dự án, đảm bảo yêu cầu theo quy định. Thực hiện phối hợp với đơn vị chức năng để vận chuyển xử lý chất thải theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao...

- Giảm bớt số lượng thiết bị hoạt động đồng thời, hạn chế sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc có độ rung và ồn lớn.

- Những máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn trong thi công như máy đầm, máy xúc chỉ được phép làm việc vào ban ngày, trừ giờ nghỉ trưa. Hạn chế các tiếng động lớn vào ban đêm (từ 22h đến 6h).

- Tắt hoặc giảm tốc độ các thiết bị máy móc không sử dụng thường xuyên giữa các chu kỳ làm việc.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Công khai tại khu vực dự án về kế hoạch, thời gian thi công, hướng tuyến giao thông tạm thời trong thời gian thi công. Đặt biển báo hiệu, cảnh báo công trường đang thi công; biển báo giảm tốc độ; biển báo chỉ hướng tuyến giao thông tạm thời.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến xói mòn, sạt lở đất đá: Tại các vị trí dễ xảy ra sạt lở cần thực hiện công tác kê gia cố chống sạt lở, lắp biển báo nguy hiểm để cảnh báo.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình thi công gây ngập úng, lũ lụt:

+ Không thi công vào những ngày có mưa lớn, hạn chế thi công các hạng mục liên quan đến đào đắp vào mùa mưa. Định kỳ giám sát các vị trí có nguy cơ sạt lở đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

+ Đất, đá thải được tập kết vận chuyển đổ thải vào cuối ngày; rác thải sinh hoạt được thu gom tập kết đúng nơi quy định và đốt hợp vệ sinh.

+ Thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết khu vực để có biện pháp ứng phó kịp thời.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống thủy văn, chế độ dòng chảy: Có phương án ngăn dòng hợp lý giảm thiểu thay đổi dòng chảy và đảm bảo điều kiện thi công không gây ảnh hưởng ô nhiễm môi trường nước mặt khác mà vẫn đảm bảo chế độ dòng chảy (lưu lượng và tốc độ) của suối Tà Nghè và sông Năng cung cấp nước phục vụ sản xuất và dòng chảy vùng hạ lưu.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Chương trình giám sát môi trường được thực hiện trong giai đoạn thi công xây dựng, cụ thể:

* Giám sát môi trường không khí

- Vị trí: 05 vị trí

+ KK1: Tại khu vực Tuyến đường N07-N21

+ KK2: Tại khu vực Tuyến đường N14-N22

+ KK3: Tại khu vực xây dựng cầu tại vị trí tuyến cắt qua suối Tà Nghè trên tuyến N12-N15.

+ KK4: Tại khu vực khai thác đất đắp của dự án (Vị trí khu vực tại Km339+100, QL.279, Tiểu khu 3, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể)

+ KK5: Tại khu vực đổ đất đá của dự án (vị trí tại Km366, bên trái tuyến đường QL.279, thuộc thôn Lũng Diếc, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể)

- Số lượng mẫu: 05 mẫu.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, CO, SO₂, NO₂, bụi tổng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm

việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

* Giám sát nước thải (nước thải sinh hoạt):

- Vị trí: tại khu vực thoát nước thải sinh hoạt của khu vực lán trại.

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, H₂S, NH₄⁺, NO₃⁻, Dầu mỡ, Chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻, Tổng Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

* Giám sát chất lượng nước mặt suối Tà Nghè

- Vị trí: Nước suối Tà Nghè sau khu vực thực hiện dự án.

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, TSS, NH₄⁺-N, NO₃⁻ - N, PO₄³⁻ -P, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung được quy định tại các Quy chuẩn: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp hiện có, yêu cầu trong quá trình thi công xây dựng phải bảo đảm an toàn, trường hợp

trong quá trình thi công có ảnh hưởng đến công trình thủy lợi hiện có cần báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và đề xuất biện pháp khắc phục.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực./.

